

CỬA VẦN ỨC

VIỆT NAM - HẢI PHÒNG, THÁI BÌNH

MẬT

SỐ HIỆU 6350 III



CỤC BẢN ĐỒ TỔNG THAM MƯU - Q.Đ.N.D.V.N
In lần thứ hai năm 1979 theo 1:50000 in năm 1975
Chính lý đồ song theo 1:100000 U.T. Min năm 1978

LEGEND - LÉGENDE - CHỮ TỬ

MAP INFORMATION AS OF 1965
RÉVISIONS DES CARTOGRAPHIQUES 1965
BẢN ĐỒ TỈNH TỤC NĂM 1965

On this map, 1:50000 is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width
Sur cette carte, une 1:50000 correspond à une largeur minimum de 2.4 mètres (8 pieds)
Trên bản đồ này một 1:50000 là độ rộng tối thiểu là 2.4 mét

CONTOUR INTERVAL - 20 METERS

ÉQUIDISTANCE DES COURBES: 20 MÈTRES

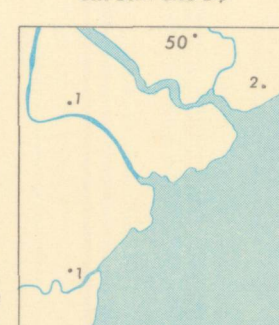
KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MÉT

SPHEROID EVEREST
GRID 1,000 METER UTM: ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM APPROXIMATE MEAN SEA LEVEL
HORIZONTAL DATUM INDIAN DATUM

ELLIPSOÏDE EVEREST
QUADRILLAGE KILOMÉTRIQUE UTM: FUSEAU 48 (LES LIGNES CHIFFRÉES EN NOIR)
PROJECTION TRANSVERSE MERCATOR
NIVEAU DE RÉFÉRENCE NIVEAU MOYEN APPROXIMATIF DES MERS
LE RÉSEAU GÉODÉSIQUE DE RÉFÉRENCE LE RÉSEAU GÉODÉSIQUE DE L'INDIE

KHOẢNG BẦU ĐỤC EVEREST
Ở VÙNG UTM TỪNG 1,000 MÉT: KHU HÌNH THỜI 48
HỆ THỐNG CHIẾU TRANSVERSE MERCATOR
BÌNH DIỆN CHUẨN MẬT BIÊN TRUNG BÌNH PHONG CHƯNG
HỆ THỐNG TRẮC CẦU CHUẨN HỆ THỐNG TRẮC CẦU ẤN ĐỘ

CHI BẮN CAO-ĐỘ



NGHỀ ĐỊA-GIỚI



BẢNG RÁP ĐỊA-ĐỒ

